



Quận 10, ngày 11 tháng 6 năm 2019

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 1 - NĂM HỌC 2019 - 2020
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÔ HIỂN THÀNH

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ (x)	Địa chỉ
1	Nguyễn An Di	20/05/2013	X	539 CMT8, P15, Q10
2	Hoàng Anh Minh	10/05/2013		533 CMT8 P15, Q10
3	Đinh Duy Phát	12/04/2013		537 ^B CMT8 P15, Q10
4	Trương Ngọc Trúc Quỳnh	24/07/2013	X	539/57 CMT8 P15, Q10
5	Nguyễn Tiến Đức Lộc	30/11/2013		539/21 CMT8 P15, Q10
6	Hoàng Anh Tuấn	25/05/2013		56/18 Tô Hiến Thành P15, Q10
7	Trần Duy Long	13/02/2013		76 Tô Hiến Thành P15, Q10
8	Mai Nguyễn Khánh Ngọc	01/05/2013	X	102/17/7 Tô Hiến Thành P15, Q10
9	Nguyễn Thị Thảo	23/01/2013	X	102/17/27B Tô Hiến Thành P15, Q10
10	Phạm Ngọc Thanh Xuân	19/02/2013	X	102/17/25 Tô Hiến Thành P15, Q10
11	Phạm Đức Thiện	19/02/2013		102/17/25 Tô Hiến Thành P15, Q10
12	Bùi Tấn Tài	27/07/2013		102/17/6 Tô Hiến Thành P15, Q10
13	Nguyễn Hoàng Khánh Duy	15/05/2013		102/17/15D Tô Hiến Thành P15, Q10
14	Nguyễn Phạm Minh Quân	17/05/2013		56/46 E Tô Hiến Thành P15, Q10
15	Phạm Đức Khang	23/05/2013		102/17/29E Tô Hiến Thành P15, Q10
16	Nguyễn Lê Bảo Hằng	17/02/2013	X	102/17/29G P15, Q10
17	Lương Bảo Trâm	25/02/2013	X	575/31/35 C CMT8 P15, Q10
18	Nguyễn Trương Hoàng Đạt	01/09/2013		575/31/29C CMT8 P15, Q10
19	Bùi Trúc Lam	21/11/2013	X	575/31/42 CMT8 P15, Q10
20	Hồ Minh Tiến	25/05/2013		575/47/32A CMT8 P15, Q10
21	Nguyễn Lê Nguyên Khang	20/05/2013		56/67 Tô Hiến Thành P15, Q10
22	Nguyễn Ngọc Hân	14/06/2013	X	539/2 CMT8 P15, Q10
23	Nguyễn Nhã Phương	26/11/2013	X	571/1A CMT8 P15, Q10
24	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	25/09/2013	X	553 CMT8 P15, Q10
25	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	10/07/2013	X	571/18 CMT8 P15, Q10
26	Phạm Quang Lộc	13/03/2013		571/1Q CMT8 P15, Q10

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ (x)	Địa chỉ
27	Đoàn Vũ Uyên Nhi	19/12/2013	X	575/31/17 ^A CMT8 P15, Q10
28	Ngô Hồng Thiên Phú	20/06/2013		575/56 CMT8, P15, Q10
29	Trần Nguyễn Hoàng Khang	28/10/2013		595/33/21 CMT8 P15, Q10
30	Nguyễn Thiện Tâm	05/05/2013		595/11D CMT8 P15, Q10
31	Nguyễn Thái An	18/04/2013	X	587 CMT8 P15, Q10
32	Đỗ Phú Lâm	02/02/2013		595 CMT8 P15, Q10
33	Trương Xuân Trường	18/11/2013		595/29E CMT8 P15, Q10
34	Nguyễn Duy Minh	29/03/2019		595/5 lô B CMT8 P15, Q10
35	Lê Bách Tùng	29/12/2013		595/010 CMT8 P15, Q10
36	Đỗ Gia Huy	12/11/2013		595/206 CMT8 P15, Q10
37	Trần Lê Bảo Châu	06/06/2013	X	595/212 CMT8 P15, Q10
38	Quách Tuệ Lâm	14/08/2013	X	595/105 C/cư 96 Căn, CMT8 P15, Q10
39	Trần Minh Huy	24/09/2013		595/ 115 C/cư 96 Căn, CMT8 P15, Q10
40	Phạm Việt Anh	10/03/2013		595/33/6 CMT8 P15, Q10
41	Nguyễn Xuân Khang	06/08/2013		595/35/18 CMT8 P15, Q10
42	Nguyễn Trần Thanh Vy	16/09/2013		595/35/26 CMT8 P15, Q10
43	Đỗ Mai Lâm	03/04/2013		595/33/4 CMT8 P15, Q10
44	Vũ Ninh Nga	15/05/2013		595/33/6 CMT8 P15, Q10
45	Lê Gia Hân	29/05/2013		595/33/10 CMT8 P15, Q10
46	Phạm Hoàng Thiên	19/09/2013		595/35/9 CMT8 P15, Q10
47	Đỗ Xuân Phương An	30/11/2013	X	595/003 C/cư 88C CMT8
48	Đỗ Gia Huy	12/04/2013		595/017 C/cư 88C CMT8
49	Lê Trần Mỹ Linh	02/08/2013	X	595/308 C/cư 88 CMT8 P15, Q10
50	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	26/10/2013	X	599 CMT8 P15, Q10 CMT8 P15, Q10
51	Trần Thị Kim Luyến	17/09/2013	X	599 CMT8 P15, Q10 CMT8 P15, Q10
52	Vương Thị Thanh Mai	27/01/2013	X	599 CMT8 P15, Q10 CMT8 P15, Q10
53	Nguyễn Thái An	23/05/2013		599 CMT8 P15, Q10 CMT8 P15, Q10
54	Trần Chấn Phong	11/04/2013		599 CMT8 P15, Q10 CMT8 P15, Q10
55	Trịnh Hồ Kiên	29/10/2013		601/8/11 CMT8 P15, Q10
56	Võ Ngọc Hoàng My	27/02/2013	X	601/12/16+18 CMT8 P15, Q10
57	Nguyễn Huy Minh	29/03/2013		601/12/16+18 CMT8 P15, Q10
58	Nguyễn Ngọc Anh Thư	29/03/2013	X	601/12/16+18 CMT8 P15, Q10
59	Lâm Đường Quân	12/04/2013		601/12/3 CMT8 P15, Q10

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ (x)	Địa chỉ
60	Phan Thái Hải Đăng	16/11/2013		601/20/22 CMT8 P15, Q10
61	Hoàng Ngọc Anh Vy	16/07/2013	X	601/20/38 CMT8 P15, Q10
62	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	07/08/2013	X	601/20/40B CMT8 P15, Q10
63	Nguyễn Diệp Xuân Vy	24/11/2013	X	601/5B CMT8 P15, Q10
64	Trần Diệu Anh	04/06/2013	X	601/20/36 CMT8 P15, Q10
65	Chu Anh Jimmy	29/10/2013		601/20/5 CMT8 P15, Q10
66	Nguyễn Ngọc Anh Thu	07/02/2013	X	601/20/18 CMT8 P15, Q10
67	Đặng Nguyễn Phát Đạt	02/01/2013		601/20/1 CMT8 P15, Q10
68	Nguyễn Xuân Phú	17/08/2013		302 C/cư 601/48 CMT8
69	Trịnh Bảo Khang	21/05/2013		202 C/cư 601/48 CMT8
70	Lê Hoàng Duy	23/03/2013		601/36/15 CMT8 P15, Q10
71	Chu Minh Long	21/01/2013		148 Hồ Bá Kiện P15, Q10
72	Võ Gia Hưng	16/08/2013		144 Hồ Bá Kiện P15, Q10
73	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	11/05/2013	X	601/36/18 ^{K2} CMT8 P15, Q10
74	Đặng Lê Bảo Duy	23/11/2013		601/36/31 CMT8 P15, Q10
75	Nguyễn Trương Mai Quỳnh	04/08/2013	X	130/26 Hồ Bá Kiện P15, Q10
76	Lê Nguyễn Bảo Quỳnh	09/02/2013	X	116/63/52 ^E Tô Hiến Thành P15, Q10
77	Hồ Thiên Long	14/01/2013		116/63/38 Tô Hiến Thành P15, Q10
78	Nguyễn Chí Huy	25/04/2013		116/71 Tô Hiến Thành P15, Q10
79	Nguyễn Thành Phúc	15/02/2013		116/71 Tô Hiến Thành P15, Q10
80	Đặng Võ Hoàng Khang	06/05/2013		116/63/44F Tô Hiến Thành P15, Q10
81	Nguyễn Vũ Phúc An	26/03/2013		116/90 Tô Hiến Thành P15, Q10
82	Phan Tại Khải Lâm	17/05/2013		116/63/12 Tô Hiến Thành P15, Q10
83	Phạm Quốc Hưng	24/07/2013		116/63/30C Tô Hiến Thành P15, Q10
84	Phạm Quang Lộc	24/07/2013		116/63/30D Tô Hiến Thành P15, Q10
85	Nguyễn Hồ Thiên Long	14/01/2013		116/63/38 Tô Hiến Thành P15, Q10
86	Nguyễn Hoàng Mai Anh	03/01/2013	X	116/63/19 Tô Hiến Thành P15, Q10
87	Nguyễn Minh Thịnh	01/01/2013		116/67 Tô Hiến Thành P15, Q10
88	Trần Nguyễn Gia An	19/03/2013		116/63/44 Tô Hiến Thành P15, Q10
89	Nguyễn Phú Tường	23/07/2013		130/2 Hồ Bá Kiện P15, Q10
90	Trương Anh Khôi	17/07/2013		110 Hồ Bá Kiện P15, Q10
91	Trương Thiên Tâm	26/05/2013	X	130/4 Hồ Bá Kiện P15, Q10
92	Phạm Phúc Khang	19/05/2013		130/2 Hồ Bá Kiện P15, Q10

STT	Họ và tên trẻ	Ngày tháng năm sinh	Nữ (x)	Địa chỉ
93	Vũ Gia Hưng	07/03/2013		79 Hồ Bá Kiện P15, Q10
94	Phạm Kim Hoàng Yến	23/06/2013	X	147 Hồ Bá Kiện P15, Q10
95	Nguyễn Minh Huy	21/08/2013		125 Hồ Bá Kiện P15, Q10
96	Võ Thành Nam	09/09/2013		154/11 Hồ Bá Kiện P15, Q10
97	Nguyễn Lê Vân Nhi	03/06/2013	X	166/5 Hồ Bá Kiện P15, Q10
98	Phạm Minh Nghĩa	05/08/2013		154/8 Hồ Bá Kiện P15, Q10

Tổng cộng 98 em